

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MCB
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-02-2024

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Bà Phạm Thị Thu Vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2023/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 17/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp TB, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp TB1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trung T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre ngày 29/7/2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khi con được 07 tháng tuổi thì vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T đi chơi cờ bạc, đá gà về nhà mắng chửi bà, thường xuyên gây chuyện vô cớ. Bà cũng có nhiều lần khuyên can ông T nhưng không được. Ông T không phụ bà chăm lo gia đình, kinh tế gia đình một mình bà lo liệu. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 29/6/2011, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L; về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 29/6/2011, hiện đang sống với bà hiện đang sống với bà L, bà L được tiếp tục nuôi con chung, ghi nhận bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung T, địa chỉ: ấp Thanh Bình 1, xã Tân Thành Bình, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án “*Xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

[2] Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/7/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L trình bày là do ông T chơi cờ bạc, đá gà, không phụ bà chăm lo gia đình, một mình bà lo kinh tế gia đình. Ngoài ra, ông T thường xuyên gây chuyện vô cớ, mắng chửi bà. Bà đã nhiều lần khuyên can ông T nhưng ông T không thay đổi. Ông T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn sống chung với bà khoảng 03 tháng nay. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T thực tế đã xảy ra; Căn cứ theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện MCB đối với bà Huỳnh Thị H là mẹ ruột bà L vào ngày 17/01/2024 cho biết: bà L và ông T kết hôn với nhau năm 2010 nhưng cuộc sống vợ chồng vài tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2023 cho đến nay vẫn không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, khi bà L có đơn yêu cầu xin ly hôn ông T, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần đến Tòa án để hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy ông T có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của vợ

chồng ông. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà L và ông T có 01 con chung là Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 29/6/2011. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Vy đang sống cùng bà L, bà có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V muốn sống cùng với bà L nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Trúc L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Trúc L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Trúc L phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L cụ thể tuyên:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.
- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung T có 01 con chung là Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 29/6/2011. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Trúc L được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu ông Nguyễn Trung T cấp dưỡng nuôi con chung.
Ông Nguyễn Trung T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Trúc L phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0005364 ngày 04/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB. Bà Nguyễn Thị Trúc L đã nộp xong tiền án phí.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã TTB;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoàn Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Nhan Phạm Thị Thu Vân Nguyễn Thị Đoan Trang